

Phụ lục I:
DANH MỤC DỊCH VỤ BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /SNV-VP ngày /10/2024 của Sở Nội vụ Thanh Hóa)

1. Dịch vụ phần mềm

TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Số năm	Ghi chú
1	Dịch vụ phần mềm Quản lý CSDL về CBCCVC	Gói/năm	03	- Đáp ứng quản lý cho tối thiểu cho 86.300 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc 2.783 các cơ quan, đơn vị đầu mối thuộc các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Chi phí đã bao gồm các chi phí: Phần mềm; hạ tầng cài đặt, lưu trữ; quản trị, vận hành; hỗ trợ; bảo trì dịch vụ.

2. Dịch vụ đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm

TT	Các khoản mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
A	Chi thuê mặt bằng, cơ sở vật chất và giảng viên cho lớp học			
1	Chi thuê hội trường, phòng học	Ngày	77	
2	Chi thuê thiết bị giảng dạy			
2.1	Chi thuê Projector cường độ sáng 2600 ANSI và màn chiếu	Ngày	77	
2.2	Chi thuê đường truyền internet và phân tử mạng (switch, cáp truyền dẫn...)	Bộ	77	
3	Chi thuê giảng viên, trợ giảng			
3.1	Chi thù lao giảng viên chính (01 người/lớp x 77 lớp x 1 ngày/lớp)	Người/ngày	77	
3.2	Chi thù lao trợ giảng (02 người/lớp x 77 lớp x 1 ngày/lớp)	Người/ngày	154	
3.3	Chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên và trợ giảng (03 người/lớp x 77 lớp x 1 ngày/lớp)	Người/ngày	231	
B	Chi tổ chức và quản lý lớp học			
1	Tài liệu, VPP cho học viên	Bộ	5.823	
2	Chi cán bộ quản lý và tổ chức lớp học	Lớp	77	
3	Chi giải khát giữa giờ	Người/ngày	5.823	
Tổng cộng				

Phụ lục II:
YÊU CẦU KỸ THUẬT CỦA DỊCH VỤ

(Kèm theo Công văn số: /SNV-VP ngày /10/2024 của Sở Nội vụ Thanh Hóa)

1. Yêu cầu đáp ứng phạm vi triển khai

- Số lượng đơn vị triển khai: 2.783 các cơ quan, đơn vị đầu mối thuộc các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;

- Số hồ sơ CBCCVC và người lao động tối thiểu: 86.300 hồ sơ.

2. Yêu cầu về chức năng phần mềm

- Về thiết kế, phần mềm phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về thiết kế hệ thống, cơ chế hoạt động theo quy định tại mục 1, khoản III, Điều 1, Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và đảm bảo đủ các trường thông tin được quy định tại mẫu Sơ yếu lý lịch ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Về chức năng, phần mềm phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chức năng theo quy định tại điểm b và điểm đ, mục 2, khoản III, Điều 1, Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 25/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ và đầy đủ chức năng bắt buộc được quy định tại Phụ lục kèm theo Công văn số 2325/BNV-VP ngày 26/4/2024 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số yêu cầu chức năng cơ bản của hệ thống quản lý CBCCVC trong các cơ quan nhà nước.

- Phần mềm phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối chia sẻ dữ liệu theo Quyết định số 356/QĐ-BNV ngày 17/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Đáp ứng các yêu cầu quản lý, chế độ báo cáo thống kê dữ liệu về CBCCVC theo quy định tại Thông tư 02/2023/TT-BNV ngày 23/3/2023 của Bộ Nội vụ về quy định chế độ báo cáo thống kê ngành nội vụ

3. Yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống khác

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa với CSDLQG về CBCCVC được thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước và theo hướng dẫn tại Văn bản số 677/BTTTT-THH ngày 03/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; đồng thời bảo đảm kết nối chia sẻ dữ liệu theo Quyết định số 356/QĐ-BNV ngày 17/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Yêu cầu về hiệu năng

TT	Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
1	Thời gian phản hồi trung bình	Hệ thống có thời gian phản hồi trung bình dưới 5 giây không bao gồm các luồng mang tính chất thống kê, báo cáo (thời gian phản hồi được tính từ khi người sử dụng gửi yêu cầu đáp ứng tới hệ thống cho đến khi nhận được dữ liệu phản hồi từ hệ thống)
2	Thời gian phản hồi chậm nhất	Hệ thống có thời gian phản hồi chậm nhất dưới 30 giây đối với toàn bộ các thao tác trên toàn trang.
3	Truy cập đồng thời	Hệ thống có khả năng đáp ứng ít nhất 8.630 lượt truy cập đồng thời (10% trên tổng số CBCCVC của tỉnh).
4	Số người sử dụng hoạt động đồng thời	Hệ thống có khả năng đáp ứng ít nhất 4.315 người sử dụng hoạt động đồng thời (5% trên tổng số CB hoạt động tương tự người sử dụng đã sử dụng thành thạo hệ thống).

5. Yêu cầu đảm bảo cấp độ ATTT

- Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa phải đáp ứng các yêu cầu đảm bảo an toàn thông tin Cấp độ 3 theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/08/2022 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, khai thác, sử dụng.

- Phần mềm được kiểm tra và đánh giá ATTT bởi tổ chức có đủ năng lực và chuyên môn.

- Một số chức năng cơ bản cần đáp ứng bảo đảm an toàn thông tin cấp độ 3 theo quyết định 742/QĐ-BTTTT ngày 22/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành yêu cầu cơ bản đối với phần mềm nội bộ.

6. Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6

Hệ thống phải sẵn sàng về mặt kiến trúc và kỹ thuật cho công nghệ IPv6, để khi có chuyển đổi từ IPv4 sang IPv6 hệ thống vẫn phải hoạt động bình thường.

7. Yêu cầu về cài đặt, hạ tầng vận hành, khai thác, sử dụng

- Hệ thống phần mềm ứng dụng được thiết kế theo mô hình triển khai tập trung, khai thác trên giao diện Web;

- Hạ tầng đường truyền: Ứng dụng được thiết kế với yêu cầu hoạt động ổn định với hạ tầng đường truyền có tốc độ trung bình; đáp ứng cho việc số lượng lớn người dùng truy cập cùng một thời điểm;

- Hệ thống được thiết kế hoạt động ổn định. Quá trình vận hành yêu cầu hoạt động sao lưu định kỳ nhằm đề phòng các tình huống rủi ro.

8. Yêu cầu về nâng cấp phần mềm hàng năm

Hàng năm, hệ thống phần mềm được đánh giá và nâng cấp như sau:

- Nâng cấp phiên bản lõi mã nguồn mở (nếu có);
- Định kỳ thực hiện cập nhật các bản vá lỗi hệ thống;
- Nâng cấp phần mềm cụ thể theo các thay đổi của quy định pháp lý;
- Nâng cấp phần mềm theo phản ánh, đề xuất của người dùng là CBCCVC, người lao động của các đơn vị (sẽ thương thảo thực hiện bổ sung khi có nhu cầu và theo khả năng đáp ứng của nhà cung cấp dịch vụ);
- Nâng cấp điều chỉnh ngay trong quá trình triển khai (thực hiện các giải pháp gấp để khắc phục các tình huống, xử lý các sự cố).

9. Yêu cầu về quyền sở hữu thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê

Thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình thuê dịch vụ Thuê dịch vụ phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức viên chức thuộc sở hữu của Sở Nội Vụ Thanh Hóa (đơn vị chủ trì thuê dịch vụ). Dữ liệu được lưu trữ trên hạ tầng máy chủ của Bên thuê nên nhà cung cấp dịch vụ có trách nhiệm phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, hỗ trợ kết xuất dữ liệu và chuyển giao đầy đủ cho chủ trì thuê dịch vụ (Sở Nội Vụ Thanh Hóa) các thông tin, dữ liệu khi kết thúc hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

Đơn vị cung cấp dịch vụ không được phép sử dụng các thông tin, dữ liệu này dưới mọi hình thức khi chưa được sự cho phép bằng văn bản của chủ đầu tư, phải cam kết bảo mật toàn bộ các thông tin, dữ liệu trong quá trình cung cấp dịch vụ và chịu toàn bộ trách nhiệm khi vi phạm các quy định của pháp luật và nghĩa vụ của bên cung cấp dịch vụ tại các điều khoản của hợp đồng. Các phát sinh khác sẽ được bổ sung trong quá trình thương thảo hợp đồng thực hiện dịch vụ.

10. Yêu cầu về đào tạo, tập huấn sử dụng phần mềm

- Mục tiêu của khóa tập huấn: cung cấp cho các học viên những kiến thức liên quan tới việc sử dụng phần mềm quản lý CBCCVC phục vụ cho 2.783 các cơ quan, đơn vị đầu mối thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện/thị xã/thành phố, Văn phòng đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

- Nội dung: tập huấn về nghiệp vụ phần mềm, tập huấn về quản trị hệ thống.
- Phương pháp tập huấn: trực tiếp, tập trung.
- Đối tượng tập huấn: cán bộ công chức viên chức được giao nhiệm vụ quản trị phần mềm, quản lý hồ sơ cán bộ công chức viên chức và người lao động tại các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Số lượng cán bộ công chức viên chức và người lao động tập huấn: 5.823 người
- Số lớp tập huấn: 77 lớp được chia theo các cụm.

- Địa điểm tập huấn: 08 lớp tại thành phố Thanh Hóa và 69 lớp tại các huyện, thị xã, thành phố, chi tiết như sau:

STT	Tên cụm	Tổng số đơn vị	Tổng số học viên	Tổng số lớp	Địa điểm tập huấn
1	Cụm Số 1 (Sở ban ngành, Cơ quan, đơn vị và trường học)	35	241	3	TP Thanh Hóa
2	Cụm Số 2 (Thành phố Thanh Hóa)	168	345	5	TP Thanh Hóa
3	Cụm Số 3 (Thành phố Sầm Sơn)	60	123	2	TP Sầm Sơn
4	Cụm Số 4 (Thị Xã Bỉm Sơn)	49	92	1	Thị Xã Bỉm Sơn
5	Cụm Số 5 (Huyện Hậu Lộc)	114	229	3	Huyện Hậu Lộc
6	Cụm Số 6 (Huyện Hoằng Hóa)	177	349	5	Huyện Hoằng Hóa
7	Cụm Số 7 (Huyện Quảng Xương)	124	252	3	Huyện Quảng Xương
8	Cụm Số 8 (Thị xã Nghi Sơn)	155	315	4	Thị xã Nghi Sơn
9	Cụm Số 9 (Huyện Nga Sơn)	114	230	3	Huyện Nga Sơn
10	Cụm Số 10 (Huyện Đông Sơn)	60	123	2	Huyện Đông Sơn
11	Cụm Số 11 (Huyện Yên Định)	120	244	3	Huyện Yên Định
12	Cụm Số 12 (Huyện Triệu Sơn)	156	315	4	Huyện Triệu Sơn
13	Cụm Số 13 (Huyện Vĩnh Lộc)	66	134	2	Huyện Vĩnh Lộc
14	Cụm Số 14 (Huyện Thọ Xuân)	147	298	4	Huyện Thọ Xuân
15	Cụm Số 15 (Huyện Hà Trung)	98	214	3	Huyện Hà Trung
16	Cụm Số 16 (Huyện Nông Cống)	136	278	4	Huyện Nông Cống
17	Cụm Số 17 (Huyện Thiệu Hóa)	116	233	3	Huyện Thiệu Hóa
18	Cụm Số 18 (Huyện Mường Lát)	55	111	1	Huyện Mường Lát
19	Cụm Số 19 (Huyện Quan Hóa)	73	148	2	Huyện Quan Hóa
20	Cụm Số 20 (Huyện Quan Sơn)	62	127	2	Huyện Quan Sơn

STT	Tên cụm	Tổng số đơn vị	Tổng số học viên	Tổng số lớp	Địa điểm tập huấn
21	Cụm Số 21 (Huyện Lang Chánh)	49	101	1	Huyện Lang Chánh
22	Cụm Số 22 (Huyện Bá Thước)	102	206	3	Huyện Bá Thước
23	Cụm Số 23 (Huyện Thạch Thành)	125	254	3	Huyện Thạch Thành
24	Cụm Số 24 (Huyện Cẩm Thủy)	83	169	2	Huyện Cẩm Thủy
25	Cụm Số 25 (Huyện Như Xuân)	75	159	2	Huyện Như Xuân
26	Cụm Số 26 (Huyện Như Thanh)	71	145	2	Huyện Như Thanh
27	Cụm Số 27 (Huyện Thường Xuân)	84	168	2	Huyện Thường Xuân
28	Cụm Số 28 (Huyện Ngọc Lặc)	108	220	3	Huyện Ngọc Lặc
Tổng cộng		2.783	5.823	77	

- Số người trên một lớp: Từ 62 cho đến 111 học viên tùy theo thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương, tính trung bình 77 người/01 lớp.

- Thời lượng tổ chức cho mỗi lớp: 01 ngày.

- Nội dung tập huấn, chuyển giao công nghệ được lên kế hoạch và tổ chức một cách chi tiết, đầy đủ các nội dung đảm bảo cán bộ được tập huấn có thể sử dụng, khai thác hệ thống một cách thành thạo.

- Yêu cầu cần đáp ứng cho nhiệm vụ tập huấn:

+ Phải cung cấp thiết bị liên quan cho học viên (máy chiếu, đường truyền internet, không bao gồm máy tính).

+ Phải đảm bảo có đầy đủ tài liệu hướng dẫn, văn phòng phẩm cho các học viên.